

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ 9

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chữ số 4 trong số 0,10401 có giá trị là:

- A. 4 B. $\frac{4}{1000}$ C. $\frac{4}{10000}$ D. $\frac{1}{4000}$

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 4 trong số đã cho, từ đó xác định được giá trị của chữ số đó.

Cách giải

Chữ số 4 trong số 0,10401 thuộc hàng phần nghìn nên có giá trị là $\frac{4}{1000}$

Đáp án: B.

Câu 2: Số thích hợp viết vào chỗ chấm $123\ 455\text{ m}^2 = \dots\dots\dots$ ha là:

- A. 1,23455 B. 12,3455 C. 0,123455 D. 123,455

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $10\ 000\text{ m}^2 = 1\text{ ha}$

Cách giải

$123\ 455\text{ m}^2 = 12,3455\text{ ha}$

Đáp án: B.

Câu 3: Khoảng thời gian từ 16 giờ 5 phút đến 17 giờ kém 5 phút là:

- A. 25 phút B. 55 phút C. 50 phút D. 1 giờ

Phương pháp

Thực hiện phép trừ số đo thời gian

Cách giải

Đổi: 17 giờ kém 5 phút = 16 giờ 55 phút

Ta có $16\text{ giờ }55\text{ phút} - 16\text{ giờ }5\text{ phút} = 50\text{ phút}$

Khoảng thời gian từ 16 giờ 5 phút đến 17 giờ kém 5 phút là: 50 phút

Đáp án: C

Câu 4: Hỗn số $600\frac{3}{100}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 6,003 B. 60,03 C. 600,03 D. 600,3

Phương pháp

Áp dụng cách viết $\frac{1}{100} = 0,01$

Cách giải

$$600 \frac{3}{100} = 600,03$$

Đáp án: C.**Câu 5:** Kết quả đúng của phép tính $12,876 \times 10 = \dots\dots\dots$ là:**A.** 128,76**B.** 1287,6**C.** 1,2876**D.** 12876**Phương pháp**

Muốn nhân một số thập phân với 10; 100; 1 000; ...ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba, ... chữ số.

Cách giải

$$12,876 \times 10 = 128,76$$

Đáp án: A.**Câu 6:** Một mặt bàn hình tròn có bán kính 0,6 m thì diện tích của nó là:**A.** 11,304 m²**B.** 113,04 m²**C.** 3,768 m²**D.** 1,1304 m²**Phương pháp**

Diện tích hình tròn = bán kính x bán kính x 3,14

Cách giải

Diện tích hình tròn là $0,6 \times 0,6 \times 3,14 = 1,1304$ (m²)

Đáp án: D**II. TỰ LUẬN****Câu 1.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

0,15 phút = giây

225 phút = giờ

6 ngày 15 giờ = giờ

55dm² 2mm² = dm²

18 kg 76 g = kg

9 dm³ = m³**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

1 phút = 60 giây; 1 ngày = 24 giờ

$1 \text{ mm}^2 = \frac{1}{10000} \text{ dm}^2$; $1 \text{ g} = \frac{1}{1000} \text{ kg}$; $1 \text{ dm}^3 = \frac{1}{1000} \text{ m}^3$

Cách giải

0,15 phút = 9 giây

225 phút = 3,75 giờ

6 ngày 15 giờ = 159 giờ

55dm² 2mm² = 55,0002 dm²

18 kg 76 g = 18,076 kg

9 dm³ = 0,009 m³

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $3,46 : 2,5 + 1,54 : 2,5$

b) $6,25 + 6,25 : 0,5 + 6,25 \times 3 - 6,25 : 0,2$

Phương pháp

a) Áp dụng công thức $a : b + a : c = (a + b) : c$

b) Chuyển phép chia số thập phân thành phép nhân rồi áp dụng cộng thức:

$$a \times b + a \times c = a \times (b + c)$$

Cách giải

a) $3,46 : 2,5 + 1,54 : 2,5$

$$= (3,46 + 1,54) : 2,5$$

$$= 5 : 2,5$$

$$= 2$$

b) $6,25 + 6,25 : 0,5 + 6,25 \times 3 - 6,25 : 0,2$

$$= 6,25 \times 1 + 6,25 \times 2 + 6,25 \times 3 - 6,25 \times 5$$

$$= 6,25 \times (1 + 2 + 3 - 5)$$

$$= 6,25 \times 1$$

$$= 6,25$$

Câu 3. Một mảnh vườn hình thang có tổng độ dài hai đáy là 140m, chiều cao bằng $\frac{4}{7}$ tổng độ dài hai đáy.

a) Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Người ta sử dụng 30,5% diện tích mảnh vườn để trồng xoài, phần còn lại trồng nhãn. Tính diện tích trồng nhãn, trồng xoài.

Phương pháp

a) Tìm chiều cao = tổng độ dài hai đáy $\times \frac{4}{7}$

$$\text{Diện tích mảnh vườn đó} = \text{tổng độ dài hai đáy} \times \text{chiều cao} : 2$$

b) Diện tích trồng xoài = Diện tích mảnh vườn đó : 100 $\times$ số phần trăm diện tích trồng xoài

$$\text{Diện tích trồng nhãn} = \text{Diện tích mảnh vườn đó} - \text{Diện tích trồng xoài}$$

Cách giải

a) Chiều cao của mảnh vườn là:

$$140 \times \frac{4}{7} = 80 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh vườn đó là:

$$140 \times 80 : 2 = 5600 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Diện tích mảnh vườn để trồng xoài là:

$$5600 : 100 \times 30,5 = 1708 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích mảnh vườn để trồng nhãn là:

$$5600 - 1708 = 3892 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: a) 5600 m^2

b) Xoài: 1708 m^2

Nhãn: 3892 m^2

Câu 4. Lúc 8 giờ sáng ngày thứ Năm, một tàu thủy chở quặng chạy trên tuyến đường biển từ cảng A đến cảng B dài 1500km. Tàu chở quặng xuất phát từ cảng A với vận tốc 30km/h và chạy liên tục trên suốt hành trình. Tính thời điểm tàu thủy đó cập bến cảng B.

Phương pháp

Bước 1: Tìm thời gian tàu chạy = quãng đường : vận tốc

Bước 2: Tìm thời điểm cập bến = thời điểm xuất phát + thời gian tàu chạy

Cách giải

Thời gian tàu chạy từ cảng A đến cảng B là:

$$1500 : 30 = 50 \text{ (giờ)} = 2 \text{ ngày } 2 \text{ giờ}$$

Thời điểm tàu cập bến cảng B là:

$$8 \text{ giờ} + 2 \text{ ngày } 2 \text{ giờ} = 2 \text{ ngày } 10 \text{ giờ hay } 10 \text{ giờ sáng thứ Bảy}$$

Đáp số: 10 giờ sáng thứ Bảy